

Bản án số: 01/2019/HS-PT

Ngày: 04-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và bà Bùi Thị Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 105/2018/TLHS-PT ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Thị T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2018/QĐXXPT-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn V, sinh năm 1963 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi thường trú: Xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/10; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn G sinh năm 1937 và bà Trần Thị N sinh năm 1939; có vợ là Nguyễn Thị T sinh năm 1962 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1997; *nhân thân:* Ngày 25/5/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 01 năm tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*” tại bản án hình sự phúc thẩm số: 22/1999/HSPT, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2018 đến ngày 16/11/2018 được cho bảo lãnh; tại ngoại – Có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi thường trú: Xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/10; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Nhân C và bà Hoàng Thị D (*đều đã chết*); có chồng là Nguyễn Văn V sinh năm 1963 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tại ngoại – Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Ông Trịnh Vĩnh P; địa chỉ: Công ty Luật A, đường T, phường B, Quận Q, Tp. Hồ Chí Minh – Có mặt;

Ông Dương Vĩnh T; địa chỉ: Văn phòng luật sư C - Đường H, phường Đ, thị xã X, tỉnh Bình Phước – Có mặt;

Ông Lê Xuân Anh P; địa chỉ: Công ty luật V - Phường G, phường L, thành phố U, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Người bị hại:*

Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt;

Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

Chị Vũ Thị T (sinh năm 1973), **chị Vũ Thị T1** (sinh năm 1970); cùng địa chỉ: Xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Đều vắng mặt;

Anh Bùi Văn Q (sinh năm 1975), **anh Vũ Văn Q** (sinh năm 1984) và **ông Ngô Văn V** (sinh năm 1967); cùng địa chỉ: Xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Đều vắng mặt;

Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1972; địa chỉ: Xã K, huyện N, tỉnh Bình Phước – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/11/2003, vợ chồng chị Vũ Thị H1, anh Ngô Văn V đã chuyển nhượng cho vợ chồng Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T một thửa đất có chiều dài mặt đường là 20m với số tiền 8.200.000 đồng (không rõ địa chỉ, khi chuyển nhượng hai bên có viết “giấy sang nhượng đất vườn”). Ngày 20/12/2007, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 666508 đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 79, diện tích 800m², địa chỉ xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông cho Nguyễn Văn V. Ngày 07/03/2008, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T chuyển nhượng cho chị Vũ Thị H1 và chị Đoàn Thị H diện tích 400m² (10m x 40m) tại xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông với số tiền 100.000.000 đồng, hai bên chỉ lập giấy viết tay “giấy sang nhượng đất mặt đường”, ở phần ký tên chỉ có chị Đoàn Thị H ký tên ở phần “người được sang nhượng”. Sau đó, chị Vũ Thị H1 đã chuyển nhượng lại phần diện tích đất của mình cho chị Đoàn Thị H với số tiền 55.000.000 đồng. Cuối năm 2016, chị Đoàn Thị H yêu cầu Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng quy định đối với diện tích đất 400m² nêu trên thì Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T không thực hiện, không bàn giao quyền sử dụng đất, không thừa nhận đã ký tên vào “giấy sang nhượng đất mặt đường” ngày 07/3/2008. Ngày 01/6/2017, chị Vũ Thị H1 và chị Đoàn Thị H khởi kiện dân sự đối

với Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 17/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2017/QĐ-TCGD đối với chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T trong “giấy sang nhượng đất mặt đường” đề ngày 07/3/2008.

Tại Thông báo kết luận giám định số: 88 - GD/TL/PC54 ngày 29/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn V dưới mục người sang nhượng và chữ viết mang tên Nguyễn Văn V trong phần bản đồ trên “giấy sang nhượng đất mặt đường” ghi ngày 07/3/2008 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn V trên các tài liệu là do cùng một người ký, viết ra; chữ viết "Thường" dưới mục người sang nhượng trên “giấy sang nhượng đất mặt đường” ghi ngày 07/3/2008 so với chữ viết của Nguyễn Thị T trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.

Ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 29/2017/QĐST-DS. Ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức có Công văn số 02/2017/CV-TA đề nghị Công an và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức xem xét, giải quyết theo thẩm quyền vì cho rằng có dấu hiệu tội phạm. Ngày 11/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông quyết định: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 năm cho hưởng án treo về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 năm tù giam.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 12-10-2018, các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị tuyên vô tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xử phạt về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là oan, các bị cáo không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:
Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa điều tra, thu thập đầy đủ các chứng cứ chứng minh có hành vi phạm tội hay không, nếu có thì hành vi này có đủ yếu tố cấu thành tội phạm "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" hay không, cụ thể:

- Bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng là định lượng để xử lý theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự, nhưng phần quyết định của bản án tuyên “*giao diện tích đất 400m² tại xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn V ... cho chị Đoàn Thị H và chị Vũ Thị H1 quản lý sử dụng*” thì số tiền 100.000.000 đồng trở thành tiền hợp pháp của các bị cáo có được từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất – 2 vấn đề này mâu thuẫn với nhau.

- Bản kết luận điều tra và cáo trạng nhận định “*Cuối năm 2016, bà H yêu cầu ông V bà T đến UBND xã Q để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình. Tuy nhiên ông V bà T không thực hiện yêu cầu, không bàn giao đất..... nhằm mục đích không giao quyền sử dụng diện tích đất nói trên và chiếm đoạt số tiền 100 triệu đồng*” là không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án, bởi lẽ: *Thứ nhất:* Chị Đoàn Thị H yêu cầu các bị cáo đến Ủy ban nhân dân cấp xã để ký giấy tờ để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C chứ không phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho chị Đoàn Thị H. *Thứ hai:* Các bị cáo có quyền từ chối ký hợp đồng chuyển nhượng với ông Nguyễn Văn C vì nếu đồng ý ký tên vào hợp đồng thì các bị cáo vi phạm nghĩa vụ chuyển nhượng trước đó đối với chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H do diện tích đất 400m² được chuyển nhượng 02 lần. *Thứ ba:* Sau khi các bên viết và ký tên vào “*giấy sang nhượng đất mặt đường*” ngày 07/3/2008 thì các bị cáo đã tiến hành bàn giao thực địa cho chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H; đã vẽ sơ đồ tứ cận cụ thể và được các bên xác nhận ngay trên thửa đất được chuyển nhượng. Chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H đã tiếp nhận thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời tiến hành thuê máy mức san ủi đối với diện tích đất này, quản lý từ thời điểm nhận chuyển nhượng cho đến nay mà không xảy ra tranh chấp với ai. *Thứ tư:* Lời khai của chị chị Đoàn Thị H tại phiên tòa phúc thẩm khẳng định đã tiếp nhận thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý từ thời điểm nhận chuyển nhượng cho đến nay mà không xảy ra tranh chấp với ai; khẳng định hiện diện tích đất này thuộc quyền sở hữu, quản lý của chị thì số tiền 100.000.000 đồng là tiền hợp pháp của các bị cáo có được.

- Quá trình điều tra, truy tố, xét xử xác định chứng cứ để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là giấy sang nhượng đất và các kết luận giám định chữ ký, chữ viết của cơ quan giám định. Như vậy, việc sang nhượng là hợp pháp thì số tiền 100.000.000 đồng là tiền hợp pháp của các bị cáo mà không phải là tiền các bị cáo có được từ hợp đồng hợp pháp và sau đó dùng thủ đoạn để chiếm đoạt (*dấu hiệu cơ bản của hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*). Về thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội thì cấp sơ thẩm xác định “sau khi có số tiền 100 triệu đồng từ hợp đồng mua bán đất, thấy giá trị cao nên nảy sinh ý định chiếm đoạt” nhưng chưa kết luận được chiếm đoạt tài sản gì, chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng hay chiếm đoạt diện tích đất đã chuyển nhượng, hay chiếm đoạt cả hai; cần phải xác định rõ vì tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” có cấu thành định lượng cụ thể. Đồng thời, cấp sơ thẩm còn nhận định “*Để thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo sử dụng thủ đoạn gian dối, bác bỏ, không thừa nhận đã ký kết, lập*

hợp đồng mua bán với người bị hại” tuy nhiên trên thực tế các bị cáo đã bàn giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H từ thời điểm viết giấy chuyển nhượng, các bị cáo không cất giữ bất kỳ giấy tờ thủ tục nào liên quan đến diện tích đất 400m² đã chuyển nhượng này để làm căn cứ cho thủ đoạn gian dối.

Từ những ý kiến nêu trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức để điều tra lại.

Luận cứ bào chữa của Luật sư Trịnh Vĩnh P: Luật sư thống nhất với những ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm nhưng quan điểm của Luật sư là hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ vụ án và tuyên các bị cáo không phạm tội, vì vụ án này không có vấn đề gì phải điều tra lại, cấp sơ thẩm đã hình sự hóa vụ án dân sự. Lời khai của các bị cáo có như thế nào thì đây vẫn là một vụ án dân sự vì thực tế có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và việc chuyển nhượng này là hợp pháp, các bị cáo đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên chuyển nhượng. Đồng thời, bản án sơ thẩm tuyên giao diện tích đất 400m² cho chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H quản lý, sử dụng là không đúng thẩm quyền giải quyết trong vụ án hình sự.

Luận cứ bào chữa của Luật sư Dương Vĩnh T: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo không phạm tội, việc điều tra lại là không cần thiết vì sự thật có chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đã giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc các bị cáo không đồng ý chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn C là phù hợp, là để bảo vệ các bị cáo tránh vi phạm pháp luật hình sự do diện tích đất này đã chuyển nhượng hợp pháp cho chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H, một diện tích đất không được chuyển nhượng 02 lần.

Luận cứ bào chữa của Luật sư Lê Xuân Anh P: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo không phạm tội, vì các bị cáo có phủ nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng không phải là hành vi gian dối, về mặt chủ quan của tội phạm thì các bị cáo không có ý thức chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng hay quyền sử dụng đất mà các bị cáo chỉ bức xúc việc chị Đoàn Thị H yêu cầu làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C nên các bị cáo không thừa nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H.

Đồng thời cấp sơ thẩm còn có một số sai sót như xác định chị Vũ Thị H1 là bị hại nhưng thực tế chị Vũ Thị H1 không bị xâm phạm về quyền, lợi ích hợp pháp; anh Nguyễn Văn V được hưởng lợi 50.000.000 đồng từ số tiền 100.000.000 đồng các bị cáo nhận của bị hại nhưng lại xác định là người làm chứng và Thẩm phán Phạm Văn Quân đã giải quyết vụ án dân sự nhưng tiếp tục giải quyết vụ án hình sự là không khách quan, các bị cáo yêu cầu thay đổi Thẩm phán là đúng pháp luật nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Văn V: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên các bị cáo không phạm tội ngay tại phiên tòa hôm nay.

Bị hại chị Đoàn Thị H: Chị Đoàn Thị H yêu cầu các bị cáo tiếp tục thực hiện các thủ tục để chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối với vấn đề hình sự thì chị không có ý kiến gì, do Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố mâu thuẫn với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nhưng chưa được Hội đồng xét xử sơ thẩm làm rõ. Đồng thời, các bị cáo đề nghị thay đổi Thẩm phán được phân công là chủ tọa phiên tòa là có căn cứ nhưng không được chấp nhận là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức để điều tra lại.

Các Luật sư và bị cáo Nguyễn Văn V đề nghị tuyên các bị cáo không phạm tội, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị T và bị hại chị Đoàn Thị H không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cáo trạng và bản án sơ thẩm đều quy kết các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T có hành vi phủ nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H. Tuy nhiên, chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền này, bản án sơ thẩm cũng không buộc các bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt, bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo chiếm đoạt 100.000.000 đồng nhưng lại quyết định giao quyền sử dụng đất cho bị hại là có mâu thuẫn. Như vậy, số tiền 100.000.000 đồng không phải là đối tượng, mục đích hướng tới của tội phạm nên việc cáo trạng và bản án sơ thẩm lấy số tiền này để xem xét cấu thành tội phạm, định khung hình phạt là không có căn cứ. Hơn nữa, nếu xác định tài sản bị chiếm đoạt là quyền sử dụng đất đối với diện tích 400m² thì cấp sơ thẩm chưa tiến hành định giá tài sản, cụ thể là định giá đối với quyền sử dụng đất này để xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là bao nhiêu.

[2]. Bản án sơ thẩm nhận định và quyết định do giấy sang nhượng đất là có thật nên cần công nhận và giao diện tích đất 400m² cho chị H và chị H1 quản lý, sử dụng. Đây là một quan hệ dân sự, việc thực hiện hợp đồng còn rất nhiều yếu tố nữa nên cần thiết phải giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Việc nhận định và quyết định như vậy là giải quyết một vụ án dân sự trong vụ án hình sự và vượt quá phạm vi xét xử của vụ án này.

[3]. Bản án sơ thẩm cũng nhận định và quyết định buộc các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng chi phí giám định trong vụ án dân sự đã bị đình chỉ giải quyết (do đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng nên còn phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng) là vượt quá phạm vi xem xét, giải quyết của vụ án này.

[4]. Khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa hai bên có viết giấy sang nhượng, các bị cáo đã nhận số tiền 100.000.000 đồng và giao đất trên thực tế cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H (BL 279, 282, 283, 285). Thực tế thì chị Đoàn Thị H đã quản lý, sử dụng diện tích đất này như mức đất, san ủi đất (BL 279, 286). Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đoàn Thị H cũng xác nhận chị là người quản lý, sử dụng diện tích đất này từ

năm 2008 (thời điểm nhận chuyển nhượng) cho đến nay, không có ai tranh chấp và yêu cầu các bị cáo phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị. Do đó, việc cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo có hành vi chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng là chưa có căn cứ. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa điều tra, thu thập chứng cứ đầy đủ để chứng minh có hành vi phạm tội xảy ra hay không, các bị cáo có phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” hay không.

[5]. Thẩm phán Phạm Văn Quân là Thẩm phán được giao giải quyết vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị hại chị Vũ Thị H1, chị Đoàn Thị H với các bị cáo. Quá trình giải quyết vụ án này, Thẩm phán Phạm Văn Quân đã ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự để chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra vì cho rằng các bị cáo có dấu hiệu phạm tội. Do đó, khi giải quyết vụ án hình sự này các bị cáo và người bào chữa đã yêu cầu thay đổi Thẩm phán với lý do quy định tại khoản 3 Điều 49 của Bộ luật Tố tụng hình sự “có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ”, việc yêu cầu này là có căn nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[6]. Từ các phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[7]. Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại nên các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HS-ST ngày 04, 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông để điều tra lại.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông để giải quyết theo thủ tục chung.

3. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- CA huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- TAND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: THCTP, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh

